

DEVELOPING COMMUNICATION AND COOPERATION SKILLS FOR FIRST - GRADE STUDENT THROUGH THE USE OF EDUCATIONAL GAMES IN VIETNAMESE LANGUAGE CLASS

Bui Thanh Thủy

Email: thuybt@gesd.edu.vn

The Vietnam Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem,
Hanoi, Vietnam

Received: 26/7/2024

Revised: 23/9/2024

Accepted: 09/11/2024

Published: 20/12/2024

Abstract: Educational games are one of the teaching methods that promote students' positivity, proactivity, and creativity. Therefore, the use of educational games not only helps students to easily acquire and solidify knowledge, creating excitement and enthusiasm for learning, but also plays a very important role in developing students' communication and cooperation skills. Based on the research of the concepts of communication and cooperation skills, educational games, and competency requirements in the Vietnamese subject, this article establishes principles for organizing games, methods for using games in teaching Vietnamese for Grade 1, and suggests some suitable games for different parts of a lesson.

Keywords: Educational games, communication skills, cooperation skills, skills, Vietnamese subject.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC CHO HỌC SINH LỚP 1 THÔNG QUA SỬ DỤNG TRÒ CHƠI HỌC TẬP TRONG MÔN TIẾNG VIỆT

Bùi Thanh Thủy

Email: thuybt@gesd.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài: 26/7/2024

Chỉnh sửa xong: 23/9/2024

Chấp nhận đăng: 09/11/2024

Xuất bản: 20/12/2024

Tóm tắt: Việc áp dụng các phương pháp giảng dạy sáng tạo như trò chơi học tập không chỉ nâng cao chất lượng giáo dục mà còn góp phần phát triển những kỹ năng mềm cần thiết cho học sinh Tiểu học, đặc biệt là học sinh lớp 1. Vì vậy, việc sử dụng trò chơi trong môn Tiếng Việt không chỉ giúp học sinh lớp 1 nắm vững kiến thức, tạo cho các em niềm say mê, hứng thú trong học tập mà còn đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh. Do đó, trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần tích cực áp dụng hình thức trò chơi học tập đa dạng và phong phú để mang lại hiệu quả tốt nhất cho học sinh. Trên cơ sở nghiên cứu khái niệm năng lực giao tiếp và hợp tác, trò chơi học tập và yêu cầu về năng lực chung trong môn Tiếng Việt, bài viết xây dựng các nguyên tắc tổ chức trò chơi, cách thức sử dụng trò chơi học tập trong dạy học môn Tiếng Việt 1, đồng thời đưa ra một số trò chơi phù hợp để giáo viên có thể vận dụng trong giảng dạy.

Từ khóa: Trò chơi học tập, năng lực giao tiếp, hợp tác, kỹ năng, môn Tiếng Việt.

1. Đặt vấn đề

Trong giai đoạn đầu cấp Tiểu học, học sinh lớp 1 không chỉ cần được trang bị kiến thức cơ bản mà còn cần phát triển các năng lực quan trọng, trong đó giao tiếp và hợp tác đóng vai trò then chốt. Việc sử dụng trò chơi học tập trong môn Tiếng Việt mang lại nhiều lợi ích quan trọng, giúp học sinh phát triển toàn diện và hòa nhập tốt hơn vào môi trường học tập. Trò chơi học tập tạo ra môi trường học tập thú vị và sinh động. Thay vì chỉ ngồi nghe giảng và làm bài tập, học sinh được tham gia vào các hoạt động tương tác, kích thích sự tò mò và hứng thú. Thông qua các

trò chơi học tập, học sinh có cơ hội rèn luyện kỹ năng giao tiếp một cách thực tế. Ví dụ, khi tham gia vào trò chơi "Đóng vai", học sinh phải tương tác, trao đổi với bạn bè, trình bày ý kiến và lắng nghe người khác. Điều này không chỉ giúp học sinh cải thiện kỹ năng nói mà còn biết cách lắng nghe, phản hồi và tôn trọng ý kiến của người khác. Trò chơi học tập thường yêu cầu sự phối hợp và làm việc nhóm, học sinh sẽ học cách chia sẻ nhiệm vụ, cùng nhau giải quyết vấn đề và đạt được mục tiêu chung. Những hoạt động như "Thi kể chuyện theo nhóm" hay "Chơi trò chơi

xây dựng câu chuyện” khuyến khích học sinh làm việc cùng nhau, phát triển tinh thần đồng đội và khả năng hợp tác. Trò chơi học tập không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức mà còn kích thích khả năng tư duy và sáng tạo. Học sinh phải suy nghĩ, tìm ra các giải pháp mới và sáng tạo trong quá trình tham gia trò chơi. Việc sử dụng trò chơi học tập giúp xây dựng môi trường học tập tích cực. Học sinh cảm thấy thoải mái và vui vẻ khi học. Điều này giúp học sinh giảm bớt áp lực, lo âu và tự tin hơn trong quá trình học. Một môi trường học tập thân thiện và tích cực là nền tảng quan trọng để học sinh phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác. Từ những lí do đó, bài viết nghiên cứu và đưa ra một số nguyên tắc về xây dựng trò chơi học tập, cách thức sử dụng trò chơi học tập và một số trò chơi học tập môn Tiếng Việt lớp 1 trong giờ học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy học phù hợp với yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm

2.1.1. Năng lực giao tiếp và hợp tác

a. Giao tiếp

Giao tiếp là một quá trình trong đó các bên tham gia tạo ra hoặc chia sẻ thông tin, cảm xúc với nhau nhằm đạt được mục đích giao tiếp [1, tr.184]. Năng lực giao tiếp được đánh giá thông qua tính phù hợp và tính hiệu quả [2], [3], [4]. Quá trình xây dựng năng lực giao tiếp cho học sinh có thể thông qua ba giai đoạn: 1) Biết về năng lực giao tiếp; 2) Muốn phát triển năng lực giao tiếp; 3) Thể hiện năng lực giao tiếp [4]. Theo Gordon (2008), giao tiếp hiệu quả đòi hỏi sự kết hợp của nhiều kỹ năng, bao gồm lắng nghe, hiểu ngữ cảnh, phản hồi và điều chỉnh cách truyền đạt thông tin dựa trên phản ứng của người nghe [5]. Năng lực giao tiếp là khả năng của cá nhân sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ để trao đổi thông tin, ý tưởng, cảm xúc và thái độ với người khác một cách hiệu quả và thích hợp trong các tình huống khác nhau.

b. Hợp tác

Hợp tác là cùng chung sức giúp đỡ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó nhằm một mục đích chung [6]. Theo Johnson và Johnson (1999), hợp tác là một quá trình tương tác trong đó hai hay nhiều người cùng làm việc với nhau, hỗ trợ và động viên lẫn nhau để đạt được mục tiêu chung [7]. Năng lực hợp tác được thiết kế dựa trên các nguyên tắc xây dựng xã hội, đánh giá qua khả năng hợp tác trong các quá trình khác nhau để giải quyết vấn đề cụ thể

[8], [9, tr.325]. Như vậy, năng lực hợp tác là khả năng của cá nhân làm việc cùng người khác để đạt được mục tiêu chung. Điều này bao gồm khả năng làm việc trong nhóm, chia sẻ trách nhiệm, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác, đồng thời đóng góp ý tưởng và giải pháp để giải quyết vấn đề.

Trong một thế giới ngày càng kết nối và toàn cầu hóa, khả năng giao tiếp và hợp tác là những kỹ năng thiết yếu mà học sinh cần để thành công trong học tập cũng như trong cuộc sống sau này. Nghiên cứu của Partnership for 21st Century Skills (2009) nhấn mạnh rằng, các kỹ năng giao tiếp và hợp tác là một phần quan trọng của các kỹ năng cần thiết cho thế kỉ XXI, giúp học sinh thích nghi với môi trường làm việc và xã hội đa dạng và phức tạp [10]. Vì vậy, năng lực giao tiếp và hợp tác đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển toàn diện của học sinh nói chung và học sinh Tiểu học nói riêng, đó là:

- *Tăng cường hiệu quả học tập*: Nghiên cứu của Slavin (1995) chỉ ra rằng hợp tác trong học tập giúp học sinh hiểu sâu hơn về nội dung học tập, phát triển kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề. Khi làm việc nhóm, học sinh có cơ hội trao đổi và củng cố kiến thức lẫn nhau, từ đó nâng cao kết quả học tập [11].

- *Phát triển kỹ năng xã hội*: Theo nghiên cứu của Wentzel và Watkins (2002), học sinh tiểu học có kỹ năng giao tiếp và hợp tác tốt thường có khả năng hòa nhập xã hội tốt hơn, xây dựng mối quan hệ bạn bè lành mạnh và có thái độ tích cực đối với việc học [12].

- *Phát triển kỹ năng tự quản*: Học sinh được rèn luyện năng lực giao tiếp và hợp tác từ sớm sẽ có khả năng quản lí bản thân và công việc tốt hơn. Theo Bandura (1986), những kỹ năng này giúp học sinh tự tin hơn trong việc giải quyết xung đột, ra quyết định và làm việc độc lập cũng như trong nhóm [13].

Tóm lại, việc phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh tiểu học không chỉ giúp các em thành công trong học tập mà còn trang bị những kỹ năng sống quan trọng để hòa nhập và phát triển trong xã hội.

2.1.2. Trò chơi học tập

Có nhiều quan điểm khác nhau về trò chơi học tập. Theo Từ điển Tiếng Việt: “Trò chơi là hoạt động đưa ra để vui chơi, giải trí” [6]. Trò chơi chính là hoạt động vui chơi mang một chủ đề, một nội dung nhất định, có nhiều người tham gia và có những quy định, luật lệ buộc người tham gia phải tuân theo [14]. Theo Đặng Thành Hưng (2002), những trò chơi được

lựa chọn và sử dụng trực tiếp trong dạy học, có mục đích, nội dung, nguyên tắc và phương pháp dạy học, có chức năng tổ chức, hướng dẫn học sinh tìm kiếm và lĩnh hội tri thức, học tập và rèn luyện kỹ năng, tích lũy và phát triển các phương thức hoạt động và hành vi ứng xử xã hội, văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ, pháp luật, khoa học, ngôn ngữ, cải thiện và phát triển thể chất, tức là tổ chức và hướng dẫn quá trình học tập của học sinh khi họ tham gia trò chơi gọi là trò chơi học tập [15]. Theo Crupxkaia (1959): “Trò chơi học tập không những là phương thức nhận biết thế giới, là con đường dẫn dắt trẻ đi tìm chân lí mà còn giúp trẻ xích lại gần nhau, giáo dục cho trẻ tình yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc” [16, tr.5]. Nguyễn Ngọc Trâm (2003) cho rằng: “Trò chơi học tập là một trong những phương tiện hiệu quả để phát triển các năng lực trí tuệ, trong đó có khả năng khái quát hóa là một năng lực đặc thù của con người” [17]. Theo Lê Thị Thanh Sang (2018), trò chơi học tập là trò chơi có luật và nội dung cho trước, hướng đến sự mở rộng, chính xác hóa, hệ thống hóa các biểu tượng đã có nhằm phát triển các năng lực trí tuệ cho trẻ, trong đó có nội dung học tập được kết hợp với hình thức chơi [18]. Như vậy, đa số các nhà lí luận dạy học cho rằng, tất cả những trò chơi gắn với việc dạy học đều được gọi là trò chơi học tập. Trò chơi học tập thực chất là một trò chơi có định hướng đối với sự phát triển trí tuệ của học sinh. Từ đó, có thể hiểu, trò chơi học tập là trò chơi mà các thao tác trong trò chơi chính là nội dung học tập, mang tính sáng tạo, khám phá tri thức cao, học sinh được trải nghiệm hoặc tạo ra các tình huống có vấn đề. Thông qua các trò chơi học tập sẽ kích thích hoạt động nhận thức và rèn luyện kỹ năng để phát triển một cách toàn diện cả về tri thức, nhân cách và thể chất của học sinh.

2.2. Mục tiêu của Chương trình Tiếng Việt lớp 1

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình môn Tiếng Việt ở cấp Tiểu học nói chung và ở lớp 1 nói riêng giúp học sinh hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu với các biểu hiện cụ thể: Yêu thiên nhiên, gia đình, quê hương; có ý thức đối với cội nguồn; yêu thích cái đẹp, cái thiện và có cảm xúc lành mạnh; có hứng thú học tập, ham thích lao động; thật thà, ngay thẳng trong học tập và đời sống; có ý thức thực hiện trách nhiệm đối với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường xung quanh. Môn Tiếng Việt lớp 1 chú trọng phát triển ở học sinh năng lực ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, còn phát triển năng lực tự chủ và tự học (bước đầu biết cách đọc, cách phát biểu ý kiến trong nhóm, trong lớp; tự chuẩn bị đồ dùng học tập,

sử dụng và giữ gìn đồ dùng học tập; tự thực hiện nhiệm vụ học tập; tự đọc sách và sưu tầm tài liệu học tập); Năng lực giao tiếp và hợp tác (bước đầu biết làm việc nhóm; giao tiếp thân thiện, hợp tác với bạn cùng nhóm, cùng lớp, cùng lứa tuổi trong học tập, lao động, vui chơi; Biết chia sẻ những điều đã học với người thân); Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo (bước đầu biết vận dụng những điều đã học để giao tiếp hằng ngày ở trường học, gia đình và cộng đồng) [19].

2.3. Nguyên tắc xây dựng trò chơi học tập trong môn Tiếng Việt 1

Theo Đinh Thị Nguyệt Linh (2020), xây dựng một trò chơi học tập phù hợp bao giờ cũng chịu tác động từ các yếu tố chủ quan (tính hiệu quả, phát triển, hấp dẫn) và khách quan (mục tiêu, nội dung dạy học, thời điểm sử dụng, đối tượng học sinh) [21]. Để các trò chơi mang lại hiệu quả cao trong học tập, khi xây dựng và thiết kế trò chơi, những nguyên tắc cần tuân thủ như sau:

- *Đảm bảo tính mục đích*: Trò chơi phải được thiết kế dựa trên mục tiêu học tập cụ thể của môn Tiếng Việt 1. Mỗi trò chơi cần giúp học sinh nắm vững các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình.

- *Đảm bảo tính vừa sức*: Trò chơi phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí và trình độ của học sinh lớp 1. Trò chơi quá khó sẽ làm học sinh chán nản, trong khi trò chơi quá dễ sẽ không kích thích được sự hứng thú của học sinh.

- *Đảm bảo tính hấp dẫn*: Trò chơi cần hấp dẫn để thu hút sự tham gia tích cực của học sinh. Hình thức trò chơi nên đa dạng và sáng tạo, kích thích trí tò mò và ham học hỏi của học sinh. Giáo viên nên xây dựng nhiều loại trò chơi khác nhau để tránh sự nhàm chán và đáp ứng các phong cách học tập đa dạng của học sinh. Điều này giúp học sinh luôn hứng thú và có cơ hội học hỏi từ nhiều cách tiếp cận khác nhau.

- *Đảm bảo tính hiệu quả*: Trò chơi nên được thiết kế sao cho tất cả học sinh đều có cơ hội tham gia. Điều này giúp phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác, tạo ra sự gắn kết và tinh thần đồng đội trong lớp học. Hướng dẫn và luật chơi phải rõ ràng, dễ hiểu để học sinh lớp 1 nắm bắt nhanh chóng và tham gia một cách tự tin. Giáo viên nên giải thích cặn kẽ và làm mẫu nếu cần thiết.

Như vậy, khi xây dựng trò chơi học tập theo các nguyên tắc trên, giáo viên sẽ xây dựng các trò chơi học tập hiệu quả trong môn Tiếng Việt cho học sinh lớp 1.

- Đảm bảo nguyên tắc không mất quá nhiều thời gian, không tốn kém về kinh phí...: Tránh để trò chơi kéo dài ảnh hưởng đến nội dung bài học chính. Các trò chơi trong dạy học cần sử dụng nguyên liệu, công cụ đơn giản, dễ tìm hoặc có thể tự làm.

2.4. Cách thức sử dụng trò chơi trong dạy học môn Tiếng Việt 1

2.4.1. Các bước xây dựng một trò chơi

Bước 1: Xác định mục tiêu học tập

Trước hết, giáo viên cần xác định rõ mục tiêu học tập của trò chơi. Mục tiêu này có thể là rèn luyện kỹ năng đọc, viết, nghe, nói hoặc mở rộng vốn từ vựng hoặc hiểu biết về ngữ pháp. Đồng thời, đảm bảo rằng, trò chơi không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức mà còn khuyến khích học sinh giao tiếp và hợp tác với nhau.

Bước 2: Lựa chọn loại trò chơi phù hợp

Dựa trên mục tiêu học tập, giáo viên lựa chọn loại trò chơi phù hợp như trò chơi vận động, trò chơi tĩnh, trò chơi nhóm hoặc cá nhân. Việc lựa chọn trò chơi học tập trong môn Tiếng Việt lớp 1 phải đáp ứng yêu cầu của mục tiêu dạy học, phải lựa chọn các thời điểm thích hợp để tổ chức các trò chơi học tập. Các thời điểm thích hợp có thể là ở bước Khởi động để củng cố kiến thức bài cũ và kích thích hứng thú của các em sẵn sàng tâm thế bước vào học bài mới; ở bước Khám phá - hình thành kiến thức mới, hoặc sử dụng ở bước Vận dụng, củng cố kiến thức. Điều quan trọng là trò chơi phải có yếu tố vui nhộn, hấp dẫn để thu hút sự tham gia tích cực của học sinh.

Bước 3: Thiết kế nội dung trò chơi

Trò chơi cần được thiết kế đơn giản và dễ hiểu, với luật chơi và cách thức tham gia rõ ràng để học sinh lớp 1 dễ dàng nắm bắt và tham gia. Giáo viên chuẩn bị đầy đủ các vật liệu cần thiết như thẻ từ, hình ảnh, bảng, bút màu, hoặc các dụng cụ khác tùy theo loại trò chơi. Sử dụng các phần thưởng nhỏ để khuyến khích học sinh tham gia tích cực và hoàn thành tốt trò chơi.

Ví dụ: Thiết kế một trò chơi học tập: *Trò chơi "Đoán chữ cái"*

Mục tiêu: Giúp học sinh nhận biết và ghi nhớ chữ cái.

Chuẩn bị: Các thẻ từ có chữ cái.

Cách chơi:

- Giáo viên chia lớp thành các nhóm nhỏ.
- Mỗi nhóm lần lượt cử một thành viên lên bảng, người này sẽ nhận một thẻ từ ở chỗ giáo viên.

- Học sinh cầm thẻ từ sẽ diễn tả chữ cái trên thẻ bằng hành động mà không được nói.

- Các thành viên còn lại trong nhóm sẽ đoán chữ cái đó.

- Nhóm nào đoán đúng và nhanh nhất sẽ chiến thắng.

2.4.2. Tổ chức chơi và đánh giá kết quả chơi

Việc tổ chức, đánh giá kết quả trò chơi học tập trong môn Tiếng Việt lớp 1 đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kỹ năng ngôn ngữ và tư duy của học sinh. Dưới đây là các bước chi tiết để tổ chức và đánh giá hiệu quả của các trò chơi học tập này.

Bước 1: Tổ chức chơi

- **Chuẩn bị:** Trước khi bắt đầu trò chơi, giáo viên cần chuẩn bị đầy đủ các vật liệu cần thiết như thẻ từ, bảng, bút màu, hình ảnh minh họa và các dụng cụ hỗ trợ khác. Không gian lớp học cần sắp xếp sao cho học sinh có đủ chỗ để tham gia trò chơi một cách thoải mái và an toàn. Nếu trò chơi yêu cầu làm việc nhóm thì giáo viên cần phân chia học sinh thành các nhóm đồng đều về số lượng và khả năng.

- **Giới thiệu trò chơi:** Giáo viên cần trình bày rõ ràng mục đích và kì vọng. Luật chơi và cách thức tham gia cần được giải thích chi tiết và rõ ràng. Giáo viên có thể làm mẫu trước để đảm bảo học sinh nắm vững cách tham gia.

- **Thực hiện trò chơi:** Trong quá trình thực hiện, giáo viên cần đảm bảo tất cả học sinh đều có cơ hội tham gia và đóng góp. Giáo viên giám sát quá trình chơi, đảm bảo học sinh tuân thủ luật chơi và hỗ trợ khi cần thiết. Điều này giúp giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh và ghi nhận kết quả đạt được, bao gồm những thành công và những khó khăn gặp phải.

Bước 2: Đánh giá kết quả chơi

- **Đánh giá quá trình tham gia:** Mức độ tham gia tích cực của từng học sinh là yếu tố quan trọng trong đánh giá. Giáo viên cần xem xét học sinh có tích cực và nhiệt tình tham gia trò chơi hay không. Tinh thần hợp tác và khả năng làm việc nhóm của học sinh cũng cần được đánh giá, xem xét cách học sinh hỗ trợ lẫn nhau và giải quyết xung đột. Khả năng sáng tạo và giải quyết vấn đề của học sinh trong quá trình chơi cũng cần được ghi nhận.

- **Đánh giá kết quả học tập:** Giáo viên cần xem xét xem các mục tiêu học tập đã được đạt hay chưa, chẳng hạn như kỹ năng nhận biết chữ cái, từ vựng, cấu trúc câu. Mức độ hiểu biết về ngôn ngữ của học

sinh sau khi tham gia trò chơi cũng cần được đánh giá, bao gồm từ vựng, ngữ pháp và khả năng sử dụng ngôn ngữ.

Bước 3: Phản hồi và khuyến khích

Sau khi kết thúc trò chơi, giáo viên cần cung cấp phản hồi tích cực, khuyến khích và ghi nhận những nỗ lực của học sinh. Giáo viên nên đưa ra những gợi ý và hướng dẫn để học sinh cải thiện những kỹ năng còn yếu, động viên học sinh tiếp tục cố gắng.

Bước 4: Điều chỉnh

Dựa trên phản hồi và kết quả thu được, giáo viên phân tích hiệu quả của trò chơi để rút ra những bài học kinh nghiệm. Các điểm mạnh và điểm yếu trong quá trình tổ chức và tham gia trò chơi cần được xem xét. Từ đó, giáo viên có thể điều chỉnh nội dung và cách thức tổ chức để lần sau thực hiện hiệu quả hơn. Việc tổ chức và đánh giá kết quả trò chơi học tập trong môn Tiếng Việt lớp 1 cần được thực hiện có kế hoạch và tuân thủ các bước trên để đảm bảo hiệu quả.

2.5. Một số trò chơi phù hợp với các phân trong một tiết học Tiếng Việt lớp 1

2.5.1. Trò chơi phân khởi động

Sử dụng trò chơi học tập trong phân khởi động không chỉ làm cho tiết học trở nên thú vị hơn mà còn giúp học sinh ôn lại kiến thức cũ và chuẩn bị tâm thế tốt nhất cho bài học mới. Dưới đây là một số trò chơi học tập môn Tiếng Việt phù hợp cho phân khởi động ở lớp 1.

a. Trò chơi “Tìm bạn”: Trò chơi này giúp học sinh ôn lại kiến thức và khuyến khích các em giao tiếp, hợp tác với bạn.

Mục đích: Phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác.

Chuẩn bị: Các thẻ từ có chữ cái hoặc từ vựng đã học.

Cách chơi:

- Giáo viên phát cho mỗi học sinh một thẻ từ có chữ cái hoặc từ vựng.

- Khi giáo viên ra hiệu lệnh, học sinh sẽ di chuyển trong lớp để tìm bạn có chữ cái hoặc từ vựng ghép thành một từ hoặc câu có nghĩa.

- Sau khi ghép xong, các cặp đôi sẽ đọc từ hoặc câu đó cho cả lớp nghe.

Lợi ích của trò chơi: Trò chơi yêu cầu học sinh trao đổi với nhau để tìm bạn có thẻ phù hợp. Điều này giúp học sinh rèn luyện khả năng truyền đạt ý tưởng, hỏi và trả lời một cách rõ ràng, mạch lạc. Học sinh phải làm việc cùng nhau để phối hợp với bạn

tim kiếm và ghép đôi chữ thích hợp.

b. Trò chơi “Bắt chữ”: Trò chơi giúp học sinh ôn lại chữ cái, từ vựng đã học một cách nhanh chóng và thú vị. Đồng thời, nó kích thích sự nhanh nhẹn và khả năng phản xạ của các em.

Mục đích: Rèn luyện kỹ năng nhận biết và ghi nhớ chữ cái.

Chuẩn bị: Một số thẻ từ hoặc thẻ hình ảnh có kèm chữ cái.

Cách chơi:

- Giáo viên chuẩn bị một bộ thẻ từ với các chữ cái đã học.

- Chia lớp thành hai hoặc ba đội.

- Giáo viên lần lượt giơ các thẻ từ lên và học sinh phải nhanh chóng đọc to chữ cái hoặc từ trên thẻ.

- Đội nào đọc đúng và nhanh nhất sẽ ghi điểm.

Lợi ích của trò chơi: Khi đọc to chữ cái hoặc từ lên, học sinh sẽ diễn đạt rõ ràng và tự tin trước mọi người. Điều này không chỉ giúp trong trò chơi mà còn có lợi trong các hoạt động học tập và giao tiếp hằng ngày.

c. Trò chơi “Ghép cặp từ đúng”

Mục đích: Phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, đồng thời củng cố vốn từ vựng.

Chuẩn bị: Các tấm thẻ từ, mỗi thẻ có một từ hoặc cụm từ ngắn.

Cách chơi:

- Mỗi học sinh nhận một tấm thẻ từ.

- Học sinh phải tìm người bạn trong lớp có tấm thẻ từ có thể ghép thành một cặp đúng. Ví dụ: “con” và “ngựa”, “cái” và “bảng”.

- Sau khi ghép đúng, các cặp học sinh sẽ đứng lên và đọc to từ ghép của mình trước lớp.

Lợi ích của trò chơi: Trò chơi này khuyến khích học sinh giao tiếp với nhau để tìm đúng cặp từ, đồng thời giúp học sinh hiểu thêm về cách sử dụng từ ngữ trong Tiếng Việt.

d. Trò chơi “Kể chuyện nối tiếp”: Trò chơi này giúp phát triển kỹ năng nghe, nói và khả năng tưởng tượng, sáng tạo của học sinh. Nó cũng khuyến khích các em lắng nghe và tôn trọng ý tưởng của bạn bè.

Mục đích: Rèn luyện kỹ năng nghe và nói, phát triển khả năng tưởng tượng và sáng tạo.

Chuẩn bị: Không cần chuẩn bị dụng cụ đặc biệt, chỉ cần không gian yên tĩnh để học sinh tập trung.

Cách chơi:

- Giáo viên bắt đầu một câu chuyện ngắn với một vài câu đơn giản.

- Mỗi học sinh sẽ nối tiếp câu chuyện bằng cách thêm một hoặc hai câu.

- Câu chuyện sẽ tiếp tục cho đến khi toàn bộ học sinh đều đã tham gia.

2.5.2. Trò chơi phần Luyện tập

Trò chơi phần Luyện tập nhằm giúp học sinh củng cố kiến thức vừa học trong bài mới. Chẳng hạn như ở phần Học vần, học sinh vừa học các âm vần, giáo viên sẽ thiết kế trò chơi học tập để học sinh nhớ các âm vần vừa học. Học sinh đọc được các tiếng, từ chứa các âm, vần đó. Từ đó, học sinh tìm thêm các tiếng mới chứa âm, vần ở ngoài bài học. Qua trò chơi, học sinh được thảo luận, trao đổi kiến thức với nhau, hợp tác cùng nhau để hoàn thành yêu cầu của bài học thông qua trò chơi; làm giàu và phong phú vốn ngôn ngữ, biết sử dụng âm đầu và dấu thanh để lập các tiếng mới có nghĩa. Từ đó, tăng thêm vốn từ, phát triển ngôn ngữ nói cho học sinh. Dựa vào mục tiêu của từng bài cụ thể để áp dụng phương pháp cho phù hợp vào việc tổ chức hướng dẫn học sinh thực hành, luyện tập có hiệu quả. Một số trò chơi được sử dụng như: “Thi tìm tiếng mới”, “Ai nhanh, ai đúng”, “Ghép tranh với từ tương ứng”...

Ví dụ 1: Trò chơi *Ai nhanh, ai đúng* trong dạy bài 34: **v, y** (Tiếng Việt 1- tập 2 - Bộ sách Cánh diều): giáo viên cho học sinh thi ghép nhanh tiếng với hình tương ứng (*vẽ, võ, ví, vở, y tế xã*).

- **Mục tiêu:** Học sinh ghép đúng tiếng với các tranh tương ứng. Qua trò chơi học sinh nhận biết và đọc được các từ ứng với từng bức tranh (*vẽ, võ, ví, vở, y tế xã*). Học sinh được trao đổi, giao tiếp, hợp tác cùng nhau để hoàn thành yêu cầu trò chơi.

- **Chuẩn bị:** Tranh ảnh và các từ tương ứng, thẻ từ ghi sẵn

- **Cách chơi:** Chia lớp thành hai đội nam và nữ. Mỗi đội có 05 thành viên.

Giáo viên tổ chức cho hai đội cùng chơi. Các thành viên trong nhóm trao đổi, nối tiếp nhau ghép tranh với các từ ngữ tương ứng. Đội nào ghép nhanh, ghép đúng, đọc đúng các từ ngữ dưới mỗi tranh sẽ chiến thắng.

Ví dụ 2: Trò chơi “*Bắn tên*” trong dạy bài 94: **anh, ach** (Tiếng Việt 1-tập 2- sách Cánh diều)

- **Mục đích:** Trò chơi này bắt buộc tất cả học sinh trong lớp phải tự tìm cho mình một tiếng mới chứa âm, vần mới vừa học. Trò chơi này giúp phát triển năng lực hợp tác cho học sinh.

- **Cách chơi:** Tìm các tiếng chứa vần vừa học “*anh, ach*”.

Giáo viên mời cả lớp đứng dậy, gọi 01 bạn lên bảng làm quản trò. Quản trò nói to yêu cầu: “*Tìm tiếng mới chứa vần anh, vần ach?*” và hô to: “*Bắn tên, bắn tên!*”. Mời bạn A. Bạn A tìm tiếng mới chứa vần *anh, ach*. Sau khi bạn A tìm được tiếng mới thì bạn A có quyền bắn tên bạn nào bất kì trong lớp, tương tự như vậy đến khoảng 5 bạn.

2.5.3. Trò chơi ở phần Tập đọc

Một số trò chơi có thể áp dụng như: “*Xếp đúng tranh*”, “*Ghép câu hoàn chỉnh*”...

Ví dụ 1: Trò chơi: *Xếp đúng tranh cho bài Tập đọc Chú bé chăn Cừu* (Tiếng Việt 1, sách Kết nối tri thức)

Mục đích: Giúp học sinh nắm vững nội dung câu chuyện “*Chú bé chăn Cừu*”; Phát triển kĩ năng đọc hiểu và liên kết giữa hình ảnh và nội dung văn bản; Rèn luyện kĩ năng giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

Chuẩn bị:

Bộ tranh minh họa: Các bức tranh mô tả các tình tiết chính trong câu chuyện *Chú bé chăn Cừu*. Ví dụ:

- Cảnh chú bé chăn Cừu đang trêu đùa người dân bằng cách giả vờ kêu cứu khi không có Sói.

- Cảnh mọi người chạy đến cứu nhưng phát hiện không có Sói, chú bé cười đùa.

- Cảnh Sói thật sự xuất hiện, chú bé kêu cứu nhưng không ai đến giúp.

- Cảnh đàn Cừu bị Sói tấn công và chú bé hối hận.

Thẻ từ hoặc câu: Các thẻ chứa các câu hoặc đoạn văn ngắn mô tả từng tình tiết trong câu chuyện.

Ví dụ 2:

- Thẻ 1: “*Chú bé chăn Cừu trêu đùa, la to: “Sói! Sói đến rồi!”*”.

- Thẻ 2: “*Mọi người chạy đến nhưng chẳng thấy con Sói nào*”.

- Thẻ 3: “*Khi Sói thật đến, chú bé kêu cứu nhưng không ai tin*”.

- Thẻ 4: “*Sói tấn công đàn Cừu, chú bé hối hận*”.

Cách chơi:

- Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm gồm 4-5 học sinh; phát cho mỗi nhóm một bộ tranh minh họa và một bộ thẻ từ/câu.

- Các nhóm phải sắp xếp tranh theo đúng thứ tự diễn biến của câu chuyện *Chú bé chăn Cừu*. Sau khi sắp xếp đúng thứ tự, học sinh sẽ ghép thẻ từ hoặc câu tương ứng với từng tranh để hoàn thiện câu chuyện. Mỗi nhóm có 5-7 phút để hoàn thành việc sắp xếp tranh và ghép thẻ từ/câu vào tranh.

Lợi ích của trò chơi: Trò chơi yêu cầu học sinh thảo luận và trao đổi ý kiến với nhau về việc sắp xếp tranh và ghép câu, từ đó phát triển kỹ năng giao tiếp, lắng nghe và trình bày ý tưởng. Học sinh phải làm việc nhóm, chia sẻ trách nhiệm và phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ, giúp phát triển năng lực hợp tác. Học sinh phải hiểu rõ nội dung và thứ tự các sự kiện trong câu chuyện *Chú bé chăn Cừu*, từ đó rèn luyện khả năng đọc hiểu. Trò chơi còn giúp học sinh ghi nhớ và hiểu sâu hơn về câu chuyện cũng như bài học đạo đức rút ra từ câu chuyện *Chú bé chăn Cừu*.

2.5.4. Trò chơi sử dụng ở phần Củng cố - dặn dò

Một số trò chơi có thể sử dụng trong phần này như “Ai nhanh, ai đúng”, “Viết nhanh, viết đúng”, “Nói nhanh, nói đúng”, “Công chúa cần”, “Tạo chữ”, “Bắn câu”, “Vòng quay kì diệu”.

Ví dụ: Bài 76: **uon, uot** (tiết 2), (*Tiếng Việt 1, lớp 1, Bộ sách Cánh diều*). Ở phần *Củng cố - dặn dò*, giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Nói nhanh, nói đúng”.

- *Mục đích:* Khắc sâu nội dung kiến thức đã học. Qua trò chơi, học sinh nâng cao vốn ngôn ngữ, mở rộng vốn từ, phát triển ngôn ngữ nói; giúp các em biết giao tiếp với bạn bằng cách nhận xét bài làm của bạn, đặt câu hỏi tương tác với bạn. Với trò chơi này, học sinh nói câu thành thạo và biết đặt câu đơn giản.

- *Cách chơi:* Học sinh thi nhau nói câu chứa tiếng có vần *uon*, cả lớp cùng chia sẻ và nhận xét. Bạn nào nói được nhiều câu đúng và hay sẽ được nhận 01 sticker. Ở trò chơi này, học sinh có thể tự điều hành trò chơi cùng sự hỗ trợ của giáo viên.

Giáo viên cho 1 học sinh điều khiển trò chơi:

Học sinh 1 đặt câu: Mình xin trả lời: “Mình cho *Mai mượn sách*.”

Học sinh 1: Mình mời các bạn nhận xét.

Học sinh 2: Mình thấy bạn đặt câu rất hay.

Học sinh 1: Mình cảm ơn bạn.

Học sinh 3: Mình thấy bạn đặt câu đúng rồi. Bạn cho mình hỏi: Trong câu, tiếng nào có vần *uon*?

Học sinh 1: Mình xin trả lời, trong câu: “*Mình cho Nga mượn thước kẻ*.” Tiếng *mượn* có vần *uon*.

Học sinh 4 đặt câu: “*Ông nhỏ cỏ ngoài vườn*.”

Học sinh 4: Mình mời các bạn nhận xét?

Học sinh 5: Mình thấy bạn đặt câu đúng rồi!

Học sinh 6: Bạn cho mình hỏi, vì sao bạn lại đặt câu như vậy?

Học sinh 5 trả lời: Mình xin trả lời: Vì yêu cầu của bài là đặt câu chứa tiếng có vần *uon*. Trong câu tiếng

vườn có vần *uon*.

Giáo viên tuyên dương, khen ngợi học sinh đã biết đặt câu đúng, chia sẻ bài làm cùng bạn, thưởng sticker cho học sinh đã biết đặt câu đúng.

Lợi ích của trò chơi: Khi thi đặt câu, học sinh phải suy nghĩ nhanh chóng và lựa chọn từ ngữ phù hợp, giúp nâng cao khả năng ngôn ngữ và tư duy mạch lạc. Khi học sinh nhận xét và tương tác với bạn bè, học sinh học cách hỗ trợ, góp ý và chia sẻ với nhau, từ đó tăng cường tình đoàn kết và kỹ năng hợp tác.

2.5.5. Trò chơi ở phần Ôn tập

Để tránh sự nhàm chán khi phải học lại kiến thức cũ, giáo viên tổ chức các trò chơi với nhiều hình thức khác nhau. Chẳng hạn: Trò chơi “Hái hoa dân chủ”, “Ai nhanh - Ai đúng”, “Rồng rắn lên mây”, “Vua Tiếng Việt”, “Rung chuông vàng”.

Ví dụ: Bài 27: *Ôn tập* (*Tiếng Việt 1, lớp 1, sách Cánh diều*). Ở bài này để giúp học sinh ôn lại quy tắc chính tả về âm *ng*, giáo viên tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Rung chuông vàng” thay thế cho bài tập 2 trong sách giáo khoa.

- *Mục đích:* Ôn lại kiến thức đã học về quy tắc chính tả.

- *Cách chơi:* Để rung được chuông vàng, học sinh sẽ trả lời các câu hỏi từ 1 đến 6. Học sinh sẽ sử dụng bảng con để viết đáp án hoặc câu trả lời sau 10 giây kết thúc. Nếu trả lời sai ở câu nào thì học sinh không được quyền chơi tiếp ở những câu hỏi khác.

Câu 1: Điền ng/ngh vào chỗ trống:i hè

A. ng B. ngh

Câu 2: Điền ng/ngh vào chỗ trống:ã ba

A. ng B. ngh

Câu 3: Trong câu: “Nhà bà Nga ở ngõ nhỏ.” có mấy tiếng chứa âm “ng”?

A. 2 tiếng B. 3 tiếng C. 4 tiếng

Câu 4: Điền vào chỗ trống “củ.....ê”

A. gh B. ngh C. ng

Câu 5: Trong câu: “Ngủ hè, Na ở nhà bà” tiếng nào viết sai chính tả (Viết câu trả lời)

Câu 6: Điền vào chỗ chấm ng/ngh “.....iờ” (Viết câu trả lời)

Ở câu 5 sau khi học sinh trả lời, để giúp học sinh khắc sâu kiến thức về quy tắc chính tả. Giáo viên hỏi thêm câu hỏi phụ, vì sao tiếng *Ngủ* viết sai chính tả? Và cho học sinh viết lại thành tiếng đúng (*Nghỉ*)

Nhận xét: Giáo viên nhận xét phần trả lời của học sinh. Khi tổ chức trò chơi giáo viên chuẩn bị một số câu hỏi đơn giản phù hợp với khả năng nhận thức

của các em trong lớp. Việc cho tất cả học sinh được tham gia trò chơi sẽ giúp các em tiến bộ và tạo động lực để các em cố gắng học tốt hơn.

Lợi ích của trò chơi: Qua việc nhận xét và thảo luận về câu trả lời của học sinh, giáo viên có thể tương tác chặt chẽ hơn với các em, tạo cơ hội để học sinh trình bày ý kiến và giải thích suy nghĩ của mình.

3. Kết luận

Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh lớp 1 trong môn Tiếng Việt thông qua việc sử dụng trò chơi học tập là một phương pháp giảng

dạy hiệu quả và thiết thực. Trò chơi học tập không chỉ làm tăng sự hứng thú và động lực học tập của học sinh mà còn giúp học sinh phát triển các kỹ năng mềm quan trọng ngay từ những năm đầu cấp tiểu học. Trong quá trình triển khai, việc lựa chọn và thiết kế trò chơi cần được thực hiện một cách cẩn thận để đảm bảo phù hợp với mục tiêu học tập và khả năng của học sinh. Sự tương tác tích cực giữa giáo viên và học sinh cũng như giữa các học sinh với nhau, là yếu tố then chốt giúp phát huy hiệu quả của phương pháp này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Burns, T.W., Orconner, D.J. & Stockmayer, S.M., (2003), *Science communication: a contemporary definition*, Public Understand. Sci. 12,183-202.
- [2] Martin, M. M., (1994), *Development of a Measure of Interpersonal Communication Competence*, Communication Research Reports, 11(1), 33-44. <https://doi.org/10.1080/08824099409359938>
- [3] Monthienvichienchai, C., Bhibulbhanuwat, S., Kasemsuk, C., & Speece, M., (2002), *Cultural awareness, communication apprehension, and communication competence: A case study of Saint John's International School*, International Journal of Educational Management, 16(6), 288-296. <https://doi.org/10.1108/09513540210441245>.
- [4] Spitzberg, B. H., (1983), *Communication competence as knowledge, skill, and impression*, Communication Education, 32(3), 323-329, <https://doi.org/10.1080/03634528309378550>.
- [5] Gordon, T., (2008), *Leader Effectiveness Training L.E.T.: The Foundation for Participative Management and Employee Involvement*, New York: Berkley Publishing Group.
- [6] Hoàng Phê (chủ biên), (2008), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- [7] Johnson, D. W., & Johnson, R. T., (1999), *Learning Together and Alone: Cooperative, Competitive, and Individualistic Learning*, Boston: Allyn and Bacon.
- [8] Gilbert, D. J., (2013), *Collaborative Competence: Redefining Management Education Through Social Construction*, Journal of Psychological Issues in Organizational Culture, 4(3), 26-43. <https://doi.org/10.1002/jpoc.21116>.
- [9] Borge, M., & White, B., (2016), *Toward the Development of Socio-Metacognitive Expertise: An Approach to Developing Collaborative Competence*, Cognition and Instruction, 34(4), 323-360. <https://doi.org/10.1080/07370008.2016.1215722>.
- [10] Partnership for 21st Century Skills, (2009), *P21 Framework Definitions*, Retrieved from http://www.p21.org/storage/documents/P21_Framework_Definitions.pdf
- [11] Slavin, R. E., (1995), *Cooperative Learning: Theory, Research, and Practice*, Boston: Allyn and Bacon.
- [12] Wentzel, K. R., & Watkins, D. E., (2002), *Peer Relationships and Collaborative Learning as Contexts for Academic Enablers*, School Psychology Review, 31(3), 366-377.
- [13] Bandura, A., (1986), *Social Foundations of Thought and Action: A Social Cognitive Theory*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
- [14] Nguyễn Ánh Tuyết, (2000), *Trò chơi trẻ em*, NXB Phụ nữ.
- [15] Đặng Thành Hưng, (2002), *Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [16] Crupxkaia, N. K., (1959), *Tuyển tập sư phạm (tập 6)*, NXB Matxcova.
- [17] Nguyễn Ngọc Trâm, (2003), *Thiết kế và sử dụng trò chơi học tập nhằm phát triển khả năng khái quát hóa của trẻ mẫu giáo lớn*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [18] Lê Thị Thanh Sang, (2018), *Tổ chức trò chơi học tập khám phá khoa học cho trẻ khiếm thính 5-6 tuổi*, Tạp chí Giáo dục, số 443, tr.11-14; 46.
- [19] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (26/12/2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT)*.
- [20] Nguyễn Minh Thuyết, (2021), *Tiếng Việt 1 (tập 1, 2) - Bộ sách Cánh diều*, NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [21] Đinh Thị Nguyệt Linh, (2020), *Trò chơi khởi động trong dạy học tập đọc lớp 2 theo định hướng phát triển năng lực*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hùng vương, tập 19, số 2, tr.46-53.